

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Viễn Liên được thành lập theo Giấy phép thành lập Công ty số 223/GP-UB ngày 02 tháng 3 năm 1993 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059051 ngày 05 tháng 3 năm 1993 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi chuẩn y về việc tăng vốn điều lệ, thay đổi cổ đông sáng lập và bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.

Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận chuyển niêm yết cổ phiếu từ Trung tâm giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh sang Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 199/QĐ-TTGDHN ngày 21 tháng 5 năm 2009.

Vốn điều lệ 47.439.330.000 VND

Thành viên	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Phan Đăng Kha	68.000.000	14,00
Phạm Công Yên	60.000.000	13,00
Trương Kim Vàng	8.500.000	2,00
Nguyễn Công Độ	3.500.000	1,00
Các cổ đông khác	47.299.330.000	70,00
Cộng	388.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 86 Trần Trọng Cung, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
 E-mail : unicom@hcm.vnn.vn
 Điện thoại : (84 – 8) 37 732 896
 Fax : (84 – 8) 37 732 897
 Mã số thuế : **0 3 0 1 4 0 1 2 9 1**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Mua bán, dịch vụ, đại lý kỹ gửi tư liệu tiêu dùng (đồ điện, điện tử, bách hoá và kim khí điện máy).
- Gia công lắp ráp máy điện thoại ấn phím dạng SKD và CKD.
- Mua bán sản phẩm, thiết bị và linh kiện ngành tin học, thiết bị đầu cuối viễn thông.
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp.
- Sửa chữa, bảo trì các thiết bị bưu chính viễn thông, tin học, điện lạnh.
- Kinh doanh nhà ở.
- Mua bán thiết bị, linh kiện ngành tin học và máy tính.
- Sản xuất, mua bán phần mềm tin học.
- Lắp ráp máy vi tính.
- Dịch vụ tin học: lắp ráp, sửa chữa, bảo trì máy vi tính, tư vấn máy tính, thiết kế hệ thống máy tính.
- Cho thuê cơ sở hạ tầng.
- Đào tạo tin học.
- Mua bán cấp, thiết bị viễn thông và đại lý kinh doanh thiết bị bưu chính viễn thông.

- Xây lắp các công trình bưu chính viễn thông.
- Lắp đặt hệ thống điện lạnh dân dụng và công nghiệp, mua bán hàng điện lạnh.
- Thiết kế công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông (trạm đài thu phát, hệ thống cáp, cột anten).
- Cho thuê máy móc thiết bị.
- Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông, dịch vụ tin học và cung cấp dịch vụ internet (ISP).
- Dịch vụ quảng cáo thương mại, dịch vụ tiếp thị.
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại).
- Tư vấn lập dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (trừ tư vấn tài chính, kế toán).
- Tư vấn đấu thầu.
- Thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình viễn thông và tin học.
- Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, bưu chính viễn thông.
- Sản xuất cáp quang, sợi quang, dây, cáp viễn thông và phụ kiện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mại điện tử tại trụ sở).
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành).
- Xây dựng công trình đờng bộ.
- Trồng rừng.
- Kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang ... đến trang ...).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Đình Dũng	Chủ tịch	31 tháng 3 năm 2007	-
Ông Phạm Ngọc Cầu	Thành viên	26 tháng 3 năm 2007	-
Ông Phạm Hữu Xuân	Thành viên	14 tháng 9 năm 2002	-
Ông Hoàng Văn Quyền	Thành viên	31 tháng 3 năm 2007	-
Ông Huỳnh Công Nhân	Thành viên	19 tháng 4 năm 2008	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phan Thị Phụng	Trưởng ban	19 tháng 4 năm 2008	-
Ông Nguyễn Minh Tiến	Ủy viên	19 tháng 4 năm 2008	-
Bà Võ Hồng Hạnh	Ủy viên	19 tháng 4 năm 2008	-

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Đình Dũng	Tổng Giám đốc	14 tháng 5 năm 2004	-
Bà Nguyễn Thanh Phi	Kế toán trưởng	01 tháng 6 năm 2007	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tôi, Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Phạm Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày ... tháng ... năm 2010



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.auditconsult.com.vn

Headquarters : 229 Dong Khoi St., District 1, Hochiminh City - Tel: (08) 38272 295 - Fax: (84-8) 38272 300
Branch in Hanoi : 40 Giang Vo St., Dong Da District, Ha Noi City - Tel: (04) 37367 879 - Fax: (84-4) 37367 869
Branch in Nha Trang-Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City - Tel: (058) 3876 555 - Fax: (84-58) 3875 327
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City - Tel: (071) 3764 995 - Fax: (84-71) 3764 996

Số: .../.../ BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Viễn Liên gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, được lập ngày 01 tháng 4 năm 2010, từ trang ... đến trang ... kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viễn Liên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0085/KTV

Mai Thị Kim Dung - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1163/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số	
			cuối năm	đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		117.900.158.389	83.078.599.255
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	51.865.981.793	7.077.078.562
1. Tiền	111		18.865.981.793	7.077.078.562
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.662.088.341	56.226.908.082
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	40.986.016.793	21.328.865.042
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	5.623.971.750	481.640.240
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	1.159.336.598	34.523.639.600
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(107.236.800)	(107.236.800)
IV. Hàng tồn kho	140		11.857.113.530	17.945.610.082
1. Hàng tồn kho	141	V.6	11.857.113.530	17.945.610.082
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.514.974.725	1.829.002.529
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		935.094.884	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	912.904.189
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1.579.879.841	916.098.340

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.189.575.369	23.908.383.606
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.246.048.607	4.569.909.418
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.254.664.299	3.946.031.710
<i>Nguyên giá</i>	222		2.420.453.352	4.978.319.272
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.165.789.053)	(1.032.287.562)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	991.384.308	623.877.708
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.912.600.000	19.202.580.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	1.912.600.000	26.549.600.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(7.347.020.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		30.926.762	135.894.188
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	30.926.762	135.894.188
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		122.089.733.758	106.986.982.861

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		24.145.911.453	23.250.612.063
I. Nợ ngắn hạn		310		24.145.911.453	23.250.612.063
1. Vay và nợ ngắn hạn		311		-	-
2. Phải trả người bán		312	V.13	11.987.119.119	14.931.050.921
3. Người mua trả tiền trước		313	V.14	4.246.331.098	7.046.217.632
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.15	3.686.325.884	771.609.333
5. Phải trả người lao động		315	V.16	1.595.432.800	184.493.900
6. Chi phí phải trả		316	V.17	2.311.806.995	45.000.000
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.18	318.895.557	272.240.277
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
II. Nợ dài hạn		330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		97.943.822.305	83.736.370.798
I. Vốn chủ sở hữu		410		97.924.372.305	83.706.370.798
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.19	47.439.330.000	47.439.330.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.19	30.641.500.000	30.721.500.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414	V.19	(6.051.840.000)	(3.764.731.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	V.19	6.091.336.352	6.091.336.352
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.19	672.587.253	1.840.725.502
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.19	19.131.458.700	1.378.209.944
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		19.450.000	30.000.000
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		431	V.20	19.450.000	30.000.000
2. Nguồn kinh phí		432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		122.089.733.758	106.986.982.861

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	ết		
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2010

Nguyễn Thanh Phi
Kế toán trưởng

Phạm Đình Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	92.805.558.030	70.138.237.847
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	74.800.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	92.730.758.030	70.138.237.847
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	80.923.357.604	59.509.269.249
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.807.400.426	10.628.968.598
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.015.287.078	4.634.752.916
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	475.339.377	7.391.028.320
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	12.175.397
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	3.870.678.505	4.865.195.518
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1.654.818.318	1.466.732.221
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.821.851.304	1.540.765.455
11. Thu nhập khác	31	VI.7	8.230.194.144	310.544.564
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.203.411.783	281.526.665
13. Lợi nhuận khác	40		6.026.782.361	29.017.899
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.848.633.665	1.569.783.354
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	4.095.384.909	191.573.410
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>17.753.248.756</u>	<u>1.378.209.944</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>4.214</u>	<u>342</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2010

Nguyễn Thanh Phi
Kế toán trưởngPhạm Đình Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.848.633.665	1.569.783.354
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8	515.228.355	398.436.562
- Các khoản dự phòng	03		(2.624.270.000)	7.347.020.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.470.677.790)	(4.678.563.446)
- Chi phí lãi vay	06		-	12.175.397
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.268.914.230	4.648.851.867
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.042.483.909	(10.572.292.660)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.088.496.552	(4.821.394.496)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.287.356.719)	(23.334.168.572)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		104.967.426	(53.298.277)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	(12.175.397)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.15	-	(1.770.142.193)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	1.895.050.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.178.688.249)	(2.352.361.190)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		28.038.817.149	(36.371.930.918)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8; 9	(357.506.600)	(1.963.649.834)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	272.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		35.914.250.000	(22.260.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		(20.000.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	3.483.180.482	4.616.520.336

<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<u>19.039.923.882</u>	<u>(19.334.402.225)</u>
--	----	-----------------------	-------------------------

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	yết minh	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	61.243.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.19	(2.287.109.000)	(3.589.371.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(608.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.728.800)	(731.034.800)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(2.289.837.800)</u>	<u>56.314.594.200</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		44.788.903.231	608.261.057
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7.077.078.562	6.468.817.505
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>51.865.981.793</u>	<u>7.077.078.562</u>
			-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2010

Nguyễn Thanh Phi
Kế toán trưởng

Phạm Đình Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ lục : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	15.000.000.000	150.000.000	(175.360.000)	6.091.336.352	557.903.716	8.552.145.242	30.176.025.310
Phát hành cổ phiếu	30.671.500.000	30.571.500.000	-	-	-	-	61.243.000.000
Tăng vốn từ lợi nhuận	1.767.830.000	-	-	-	-	(1.767.830.000)	-
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(3.589.371.000)	-	-	-	(3.589.371.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	1.378.209.944	1.378.209.944
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	1.282.821.786	(5.647.956.442)	(4.365.134.656)
Chi thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(384.000.000)	(384.000.000)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(752.358.800)	(752.358.800)
Số dư cuối năm trước	47.439.330.000	30.721.500.000	(3.764.731.000)	6.091.336.352	1.840.725.502	1.378.209.944	83.706.370.798
	-	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	47.439.330.000	30.721.500.000	(3.764.731.000)	6.091.336.352	1.840.725.502	1.378.209.944	83.706.370.798
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(2.287.109.000)	-	-	-	(2.287.109.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	17.753.248.756	17.753.248.756
Chi quỹ trong năm	-	(80.000.000)	-	-	(1.168.138.249)	-	(1.248.138.249)
Số dư cuối năm nay	47.439.330.000	30.641.500.000	(6.051.840.000)	6.091.336.352	672.587.253	19.131.458.700	97.924.372.305
	-	-	-	-	-	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2010

Nguyễn Thanh Phi

Kế toán trưởng

Phạm Đình Dũng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán, dịch vụ, đại lý ký gởi: tư liệu tiêu dùng (đồ điện, điện tử, bách hoá và kim khí điện máy); Gia công lắp ráp máy điện thoại ấn phím dạng SKD và CKD; Mua bán sản phẩm tin học, thiết bị đầu cuối viễn thông; Sửa chữa, bảo trì các thiết bị bưu chính viễn thông, tin học, điện lạnh; Mua bán thiết bị, linh kiện ngành tin học và máy tính; Sản xuất, mua bán phần mềm tin học; Mua bán cáp, thiết bị viễn thông; Xây lắp các công trình bưu chính viễn thông; Thiết kế công trình thông tin liên lạc và bưu chính viễn thông (trạm đài thu phát, hệ thống cáp, cột anten); Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông; Dịch vụ tin học; Cung cấp dịch vụ internet (ISP).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là năm tài chính thứ 17 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2-3

6. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

8. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

9. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

10. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 về việc hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuê thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	213.606.329	1.006.351.086
Tiền gửi ngân hàng	18.652.375.464	6.070.727.476
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	33.000.000.000	-
Cộng	<u>51.865.981.793</u>	<u>7.077.078.562</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Cho Công ty Cổ phần Thiết kế Xây lắp Viễn Đông vay với thời hạn 3 tháng, lãi suất 1%/tháng.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	-	4.082.450.000
Công ty Dịch vụ viễn thông Sài Gòn	8.179.356.715	-
Công ty Điện thoại Đông thành phố Hồ Chí Minh	7.277.380.994	3.633.468.637

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Viễn thông FPT Miền Bắc	-	1.594.450.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Xây lắp Viễn Đông	10.875.497.560	1.412.817.931
Công ty Cổ phần Công nghệ Đông Dương	12.100.000	1.059.680.000
Bưu điện tỉnh Hòa Bình	-	1.000.000.000
Bưu điện tỉnh Cà Mau	-	500.000.000
Công ty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam	141.931.762	436.821.776
Bưu điện tỉnh Đồng Nai	-	212.403.168
Công ty Điện thoại Tây Thành phố Hồ Chí Minh	667.276.745	195.027.306
Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Đồng Nai	1.965.630.700	-
FCRV-VIETNAM PTE.LTD	2.396.388.441	-
Các khách hàng khác	9.470.453.876	7.201.746.224
Cộng	<u>40.986.016.793</u>	<u>21.328.865.042</u>
4. Trả trước cho người bán		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Phú Yên	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết kế Xây lắp Viễn Đông	2.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiến Việt	350.000.000	-
Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh	358.192.800	358.192.800
Các nhà cung cấp khác	215.778.950	123.447.440
Cộng	<u>5.623.971.750</u>	<u>481.640.240</u>
5. Các khoản phải thu khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	-	29.962.800
Phải thu khoản đầu tư góp vốn kinh doanh	600.000.000	34.386.440.000
Thù lao Hội đồng quản trị tạm chi chờ quyết toán	302.400.100	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	135.000.000	-
Các khoản phải thu khác	121.936.498	107.236.800
Cộng	<u>1.159.336.598</u>	<u>34.523.639.600</u>
6. Hàng tồn kho		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	-	345.460
Công cụ, dụng cụ	9.734.057	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.693.831.927	11.109.042.030
Thành phẩm	39.361.926	3.345.749
Hàng hóa	6.114.185.620	6.832.876.843
Cộng	<u>11.857.113.530</u>	<u>17.945.610.082</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	696.060.000	381.500.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	883.819.841	534.598.340
Cộng	<u>1.579.879.841</u>	<u>916.098.340</u>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	2.557.865.920	770.159.923	1.441.707.642	208.585.787	4.978.319.272
Thanh lý, nhượng bán	(2.557.865.920)	-	-	-	(2.557.865.920)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>770.159.923</u>	<u>1.441.707.642</u>	<u>208.585.787</u>	<u>2.420.453.352</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	77.596.045	158.004.250	174.301.782	409.902.077
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	304.990.892	138.285.469	397.872.833	191.138.368	1.032.287.562
Khấu hao trong năm	76.735.972	213.113.816	213.950.565	11.428.002	515.228.355
Thanh lý, nhượng bán	(381.726.864)	-	-	-	(381.726.864)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>351.399.285</u>	<u>611.823.398</u>	<u>202.566.370</u>	<u>1.165.789.053</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.252.875.028	631.874.454	1.043.834.809	17.447.419	3.946.031.710
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>418.760.638</u>	<u>829.884.244</u>	<u>6.019.417</u>	<u>1.254.664.299</u>
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công trình nhà máy cấp quang	623.877.708	300.000.000	923.877.708
Dự án khu dân cư và biệt thự biển cao cấp Viễn Liên	-	67.506.600	67.506.600
Cộng	<u>623.877.708</u>	<u>367.506.600</u>	<u>991.384.308</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư mua cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Cấp Sài Gòn	-	9.637.000.000
Công ty Cổ phần Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường	340.000.000	340.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	567.600.000	567.600.000
Công ty Cổ phần Thiết kế xây lắp Viễn Đông	1.005.000.000	16.005.000.000
Cộng	<u>1.912.600.000</u>	<u>26.549.600.000</u>

11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Đồng phục công nhân viên	38.820.619	-	(38.820.619)	-
Chi phí sửa chữa	15.374.982	-	(8.940.000)	6.434.982
Công cụ, dụng cụ	18.208.228	-	(18.208.228)	-
Chi phí đánh giá chứng nhận tiêu chuẩn ISO 9001	30.206.400	-	(22.654.800)	7.551.600
Phí bảo hiểm	13.481.979	-	(13.481.979)	-
Thuê kho	19.801.980	16.940.180	(19.801.980)	16.940.180
Cộng	<u>135.894.188</u>	<u>16.940.180</u>	<u>(121.907.606)</u>	<u>30.926.762</u>

12. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả về mua thiết bị viễn thông, tin học	11.825.295.873	13.925.834.456
Phải trả dịch vụ khác	161.823.246	1.005.216.465
Cộng	<u>11.987.119.119</u>	<u>14.931.050.921</u>

13. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước liên quan đến hợp đồng xây dựng	4.246.331.098	6.962.935.803
Các khoản trả trước khác	-	83.281.829
Cộng	<u>4.246.331.098</u>	<u>7.046.217.632</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội	479.223.900	3.581.062.326	(3.591.605.422)	468.680.804

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
địa				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	103.010.787	934.521.360	(1.002.367.787)	35.164.360
Thuế xuất, nhập khẩu	149.673.794	-	(149.673.794)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(912.904.189)	3.995.435.612	-	3.082.531.423
Thuế thu nhập cá nhân	29.962.800	-	(29.962.800)	-
Các loại thuế khác	-	7.000.000	(7.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	9.738.052	-	(9.738.052)	-
Cộng	<u>(141.294.856)</u>	<u>8.518.019.298</u>	<u>(4.790.347.855)</u>	<u>3.586.376.587</u>

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.7).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Văn phòng phẩm, mực in, đĩa server...	5%
Các hoạt động còn lại	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.11.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.848.633.665	1.569.783.354
<i>Trong đó thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản</i>	<i>5.987.497.308</i>	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(1.583.643.300)</u>	<u>(201.401.850)</u>
Tổng thu nhập chịu thuế	20.264.990.365	1.368.381.504
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	5.066.247.591	383.146.821
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009	<u>(1.070.811.979)</u>	-
Thuế TNDN được giảm 50%	-	<u>(191.573.411)</u>
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>3.995.435.612</u>	<u>191.573.410</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 còn phải trả.

16. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa tổng đài	105.035.000	-
Chi phí công trình	1.622.136.602	-
Dự phòng tổn thất giá trị công trình không thu được	571.138.838	-
Chi phí khác	13.496.555	45.000.000
Cộng	<u>2.311.806.995</u>	<u>45.000.000</u>

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	7.081.058	5.251.012
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	112.920.000	12.920.000
Cổ tức còn phải trả	180.246.996	184.710.796
Nhập tạm hàng hóa chưa có hóa đơn	18.548.186	66.840.669
Phải trả khác	99.317	2.517.800
Cộng	<u>318.895.557</u>	<u>272.240.277</u>

18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm ở trang 28.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.755.000	6.755.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.743.933	4.743.933
- Cổ phiếu phổ thông	4.743.933	4.743.933
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	422.066	253.416
- Cổ phiếu phổ thông	422.066	253.416
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.321.867	4.490.517
- Cổ phiếu phổ thông	4.321.867	4.490.517
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	30.000.000
Chi quỹ trong năm	<u>(10.550.000)</u>
Số cuối năm	<u>19.450.000</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	92.805.558.030	70.138.237.847
- <i>Doanh thu tư vấn thiết kế</i>	3.892.046.884	3.290.782.202
- <i>Doanh thu xây dựng, dịch vụ xây lắp</i>	26.691.794.130	12.353.700.318
- <i>Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ khác</i>	49.500.458.816	28.343.841.781
- <i>Doanh thu cung cấp cáp</i>	12.424.810.200	25.392.697.546
- <i>Doanh thu dịch vụ bảo trì và bảo dưỡng cabin điện thoại</i>	296.448.000	757.216.000
Hàng bán trả lại	<u>(74.800.000)</u>	-
Doanh thu thuần	<u>92.730.758.030</u>	<u>70.138.237.847</u>

Trong đó:

- <i>Doanh thu thuần tư vấn thiết kế</i>	3.892.046.884	3.290.782.202
- <i>Doanh thu thuần xây dựng, dịch vụ xây lắp</i>	26.691.794.130	12.353.700.318
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa và dịch vụ khác</i>	49.425.658.816	28.343.841.781
- <i>Doanh thu thuần cung cấp cáp</i>	12.424.810.200	25.392.697.546
- <i>Doanh thu thuần dịch vụ bảo trì và bảo dưỡng cabin điện thoại</i>	296.448.000	757.216.000

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn tư vấn thiết kế	3.135.154.077	2.941.849.166
Giá vốn hoạt động xây dựng, xây lắp	21.946.285.508	10.370.815.069
Giá vốn cung cấp cáp	11.495.932.931	24.053.700.392
Giá vốn bảo trì, bảo dưỡng cabin điện thoại	148.615.234	482.012.344
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ khác đã cung cấp	<u>44.197.369.854</u>	<u>21.660.892.278</u>
Cộng	<u>80.923.357.604</u>	<u>59.509.269.249</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	73.741.919	167.425.192
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	782.087.182	1.706.833.294
Lãi tiền bán chứng khoán	3.831.878.527	-
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán	2.624.270.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.583.643.300	246.401.850
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.216.150	18.232.580
Lãi cho vay	345.000.000	-
Lãi kinh doanh vàng	-	695.860.000
Lãi hợp tác kinh doanh đầu tư	772.450.000	1.800.000.000
Cộng	<u>10.015.287.078</u>	<u>4.634.752.916</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	-	12.175.397
Chi phí giao dịch chứng khoán	19.505.167	7.126.742
Lãi chậm thanh toán	-	175.053
Dự phòng giảm giá chứng khoán	-	7.347.020.000
Phí giao dịch ngân hàng	-	6.167.129
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	455.834.210	18.363.999
Cộng	<u>475.339.377</u>	<u>7.391.028.320</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	1.459.156.800	1.797.287.900
Chi phí bao bì	92.323.701	74.370.413
Chi phí khấu hao tài sản cố định	133.780.963	155.980.340
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.009.550.336	2.363.359.030
Chi phí khác	175.866.705	474.197.835
Cộng	<u>3.870.678.505</u>	<u>4.865.195.518</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	599.589.200	537.511.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	115.326.498	145.787.725
Chi phí dịch vụ mua ngoài	735.269.843	340.712.481
Chi phí khác	204.632.777	442.720.215
Cộng	<u>1.654.818.318</u>	<u>1.466.732.221</u>
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	8.163.636.364	272.727.273
Thu tiền thanh lý nguyên vật liệu	-	17.162.091

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền khuyến mãi khách hàng	-	20.463.200
Thu phạt vi phạm hợp đồng	10.500.000	-
Thu xử lý hàng hoá nhập thừa	12.150.000	-
Thu nhập khác	43.907.780	192.000
Cộng	<u>8.230.194.144</u>	<u>310.544.564</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	2.176.139.056	210.684.165
Giá trị còn lại của nguyên vật liệu thanh lý	-	70.842.500
Chi phí khác	27.272.727	-
Cộng	<u>2.203.411.783</u>	<u>281.526.665</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.753.248.756	1.378.209.944
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.753.248.756	1.378.209.944
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.213.292	4.028.016
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>4.214</u>	<u>342</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.321.867	1.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(108.575)	(81.762)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	2.269.466
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>4.213.292</u>	<u>3.687.705</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.171.406.444	11.781.606.688
Chi phí nhân công	7.963.428.676	5.204.672.400
Chi phí khấu hao TSCĐ	515.228.355	398.436.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.895.383.761	6.095.724.495

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các chi phí khác	565.474.391	2.202.566.741
Cộng	<u>19.110.921.627</u>	<u>25.683.006.886</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm Công ty có bán tài sản cố định chưa thu tiền với số tiền 8.163.636.364 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	135.565.200	129.315.200
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	1.008.000	2.154.600
Cộng	<u>136.573.200</u>	<u>131.469.800</u>

2. Thông tin khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các qui định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2010

Nguyễn Thanh Phi
Kế toán trưởng

Phạm Đình Dũng
Tổng Giám đốc